TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2025/HNGĐ- ST Ngày: 21-8-2025 *V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn "*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Sinh, và ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thuỷ- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Đội 1, thôn Trần Xá, xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng.

Hộ chiếu số Q00451428 do Văn phòng kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc cấp ngày 06-3-2024.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L uỷ quyền:

+ Chị Lê Thị Ánh D, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn An Tập, xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Hạnh Phúc, xã Quy Mông, tỉnh Yên Bái.

- ***Bị đơn***: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đội 1, thôn Trần Xá, xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số 030080006704 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-8-2021.

(Chị D, chị M, anh K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại đội 1, thôn Trần Xá, xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận. Năm 2015 chị đi lao động tại Đài Loan để xây dựng kinh tế mâu thuẫn bắt đầu phát sinh và trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã sống ly thân 10 năm nay. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả và điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng chị. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để chị sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Vũ Văn M, sinh ngày 26-11-2004 và Vũ Minh A, sinh ngày 17-5-2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Minh A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị đề nghị Toà án lấy lời khai của cháu Minh A xem cháu muốn ở với ai sau khi vợ chồng chị ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nếu chị được nuôi cháu Minh A chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Nếu Toà án giao cháu Minh A cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh K 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo tháng vào ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn K trình bày: Về điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Năm 2015 do mới xây nhà nên điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng có bàn bạc thống nhất để chị L đi xuất khẩu lao động 03 năm để trả nợ và có ít vốn. Sau khi hết hạn 03 năm theo hợp đồng lao động chị L không về và bảo đã tiếp tục ký hợp đồng. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian chị L đi nước ngoài, anh chị có mâu thuẫn với nhau về kinh tế. Chị L gửi tiền về đủ đóng học cho con, còn mọi chi phí đều một mình anh lo. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Vũ Văn M, sinh ngày 26-11-2004 và Vũ Minh A, sinh ngày 17-5-2011. Hiện cháu M đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A. Anh đồng ý để chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh mức 2.000.000đồng/tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo tháng vào ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Điều 81, 82, 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L cho chị L được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Giao con chung Vũ Minh A, sinh ngày 17-5-2011 cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh K 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Đối với con chung Vũ Văn M, sinh ngày 26-11-2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết

- Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết.

Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn đối với anh Vũ Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đội 1, thôn Trần Xá, xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L, anh K, bà D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân

dân xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (*nay là xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng)* nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị L và anh K đã sống ly thân 10 năm. Chị L xin ly hôn, anh K đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xử cho chị được ly hôn với anh K là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh K và chị L có 02 con chung là Vũ Văn M, sinh ngày 26-11-2004 và Vũ Minh A, sinh ngày 17-5-2011. Hiện nay cháu M đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe mạnh nên không xem xét. Đối với cháu Minh A chị L và anh K đều có mong muốn được nuôi dưỡng. Cháu Minh A hiện cũng có nguyện vọng được ở cùng anh K. Mặt khác chị L hiện đang cư trú ở nước ngoài. Cháu Minh A vẫn đang do anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống hiện tại của cháu ổn định, phát triển bình thường. Do vậy căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con và nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu Minh A cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị L với anh K 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, cấp dưỡng theo tháng vào ngày 15 hàng tháng.

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 468, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia định; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Minh A, sinh ngày 17-5-2011 cho anh Vũ Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh K 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, phương thức cấp dưỡng theo tháng vào ngày 15 hàng tháng.

Đối với con chung Vũ Văn Minh, sinh ngày 26-11-2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh K yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà chị L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự .

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001749 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L , anh Vũ Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Nam Hưng, TP. Hải Phòng.
- Thi hành án DS - Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

Lê Thị Thu Hằng